3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division

Phạm Thái Nga

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*
P

Mã số / *Code*
VNM

Số hộ chiếu / *Passport N°*
C6602154

Họ và tên / *Full name*
HUỲNH NGỌC THIỆN

Quốc tịch / *Nationality*
VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth*
20 / 01 / 1995

Nơi sinh / *Place of birth*
NINH THUẬN

Giới tính / *Sex*
NAM / M

Số GCMND / *ID card N°*
264419596

Ngày cấp / *Date of issue*
12 / 02 / 2019

Có giá trị đến / *Date of expiry*
12 / 02 / 2029

Nơi cấp / *Place of issue*
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMHUYNH<<NGOC<THIEN<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C6602154<2VNM9501201M2902120264419596<<<<<44

JAPAN IMMIGRATION INSPECTION
上陸許可
LANDING PERMISSION
許可年月日
Date of permit
-4 DEC 2020
在留期限
Until
-4 DEC 2021
在留資格 技術 人文知識 国際業務
Status Engineer/Specialist in Humanities/Int'l Services
在留期間
Duration One year
HANEDA A/P

1907368066
LHHY2231972
LD8456378 6A

— VISAS

JAPAN VISA
日本国査証

EC8503580

Place of issue: HO CHI MINH
Date of issue: 09 NOV 20
Date of expiry: 09 FEB 21
No.of entries: SINGLE
Issue No.: 20A28864
For stay(s) of: 1 YEAR
Category: (E) AS ENG./SP.IN HUMAN./INT.SERV.
Surname/Given name: HUYNH NGOC THIEN
Passport No.: C6602154
Sex: M
Date of birth: 20 JAN 95
Nationality: VNM
No. of applicants
Remarks: EX-R

TYN19-524869

V<JPNHUYNH<<NGOC<THIEN<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C6602154<2VNM9501201M2102090 20A28864620D<E73